

Số: 24 /TTr-UBND

Thanh Hóa, ngày 09 tháng 4 năm 2020

### TỜ TRÌNH

Về việc ban hành Nghị quyết quy định mức đóng góp

và chính sách hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại  
các Cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

VĂN PHÒNG  
HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Số: 432.....

Đến ngày: 10/4/2020

K. chuyên: *Đ. Phó chủ tịch Thường trực*

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Thực hiện Thông tư số 124/2018/TT-BTC ngày 20/12/2018 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện. UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan xây dựng dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về Quy định mức đóng góp và chính sách hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Dự thảo Nghị quyết đã được Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (đơn vị chủ trì tham mưu) lấy ý kiến góp ý của các sở, ngành: Y tế, Tài chính, Công an tỉnh và thẩm định của Sở Tư pháp; Nội dung dự thảo đã được báo cáo và thông qua tại phiên họp Thường kỳ UBND tỉnh tháng 3 năm 2020; Tại Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy tháng 3/2020, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã nghe báo cáo và thống nhất nội dung dự thảo ban hành Nghị quyết nêu trên.

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, ban hành Nghị quyết Quy định mức đóng góp và chính sách hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các Cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa với những nội dung cụ thể như sau:

## I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

### 1. Căn cứ pháp lý

- Nghị định số 80/2018/NĐ-CP ngày 17/5/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 147/2003/NĐ-CP ngày 02/12/2003 của Chính phủ quy định về điều kiện, thủ tục cấp giấy phép và quản lý hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện.

- Thông tư số 124/2018/TT-BTC ngày 20/12/2018 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện.

### 2. Cơ sở thực tiễn

#### a) Tình hình người nghiện ma túy

Tính đến ngày 31/12/2019, trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa có 7.371 người nghiện ma túy có hồ sơ quản lý. Trong đó: số người nghiện đang sống ngoài cộng đồng là 6.678 người (có 2.502 người đang điều trị thay thế bằng Methadone), số

người đang cai nghiện tại các cơ sở cai nghiện của tỉnh là 597 người (trong đó: cai nghiện bắt buộc là: 554 người, cai nghiện tự nguyện là: 43 người), số đang bị giam giữ tại Trại tạm giam Công an tỉnh là 96 người.

b) Hiện nay các khoản đóng góp và chế độ miễn, giảm đối với người tự nguyện cai nghiện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh đang thực hiện theo Quyết định số 4652/2015/QĐ-UBND ngày 11/11/2015 và Quyết định số 433/2017/QĐ-UBND ngày 10/02/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa (ban hành theo Thông tư liên tịch số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐTĐBXH ngày 08/10/2014 của liên Bộ Tài chính và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, đã hết hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/02/2019), như sau:

- Các khoản người tự nguyện cai nghiện ma túy đóng góp gồm:

(1) Tiền mua sắm vật dụng sinh hoạt cá nhân bằng 0,9 mức lương cơ sở/người/lần cai nghiện.

(2) Tiền ăn hàng tháng bằng mức ngân sách nhà nước chi cho người cai nghiện ma túy bắt buộc (0,8 mức lương cơ sở/người/tháng).

(3) Chi phí hoạt động văn nghệ, thể thao: 70.000 đồng/lần cai nghiện.

(4) Tiền đóng góp xây dựng cơ sở vật chất: 300.000 đồng/người/lần cai nghiện.

(5) Tiền điện, nước, vệ sinh: 80.000 đồng/người/tháng.

(6) Tiền phục vụ, quản lý: 100.000 đồng/người/tháng.

(7) Tiền thuốc chữa bệnh thông thường: 50.000 đồng/người/tháng.

(8) Tiền thuốc hỗ trợ cắt cơn, cấp cứu, xét nghiệm và thuốc điều trị các bệnh cơ hội khác: 650.000 đồng/người/lần cai nghiện.

(9) Tiền học nghề (nếu có nhu cầu), mức tối đa: 3.000.000 đồng/người/khóa.

- Miễn các khoản đóng góp đối với người cai nghiện tự nguyện thuộc một trong các đối tượng sau: Người thuộc diện chính sách theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người chưa thành niên, người khuyết tật, người thuộc diện bảo trợ xã hội, người bị nhiễm HIV/AIDS không còn khả năng lao động.

- Giảm 50% mức đóng góp đối với người cai nghiện tự nguyện thuộc một trong các đối tượng sau: Người thuộc hộ cận nghèo, người có hộ khẩu thường trú tại vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ.

- Bố trí chỗ ở tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập cho người cai nghiện tự nguyện.

Như vậy, theo quy định nêu trên, một người nghiện ma túy phải đóng góp cho một lần tự nguyện cai nghiện tối thiểu 6 tháng tại thời điểm tháng 3/2020 với số tiền là 10.893.000 đồng (chưa bao gồm tiền học nghề nếu có nhu cầu), đối với người được giảm 50% các khoản đóng góp là 5.446.500 đồng.

c) Tình hình thực hiện chế độ miễn, giảm đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập theo Quyết định số 4652/2015/QĐ-UBND ngày 11/11/2015 và Quyết định số 433/2017/QĐ-UBND ngày 10/02/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa

Từ năm 2015 đến năm 2019, các cơ sở cai nghiện ma túy của tỉnh tiếp nhận và tổ chức cai nghiện cho 2.573 lượt người, trong đó: 1.421 lượt người cai bắt buộc và 1.152 lượt người cai tự nguyện. Trong tổng số 1.152 người tự nguyện cai nghiện ma túy có 79 người được miễn 100% các khoản đóng góp (*chiếm 6,85% số người cai nghiện tự nguyện*) và 13 người được giảm 50% các khoản đóng góp (*chiếm 1,15% số người cai nghiện tự nguyện*) với số tiền là 656,15 triệu đồng, còn lại 1.060 người (*chiếm 92% số người cai nghiện tự nguyện*) phải nộp 100% các khoản chi phí trong một lần cai nghiện.

d) Chế độ cho người đi cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập theo quy định mới.

Nhằm hỗ trợ và khuyến khích người nghiện ma túy tự nguyện đi cai nghiện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 80/2018/NĐ-CP ngày 17/5/2018, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 124/2018/TT-BTC ngày 20/12/2018 quy định về quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện. Theo đó, mức ngân sách nhà nước đảm bảo, hỗ trợ cho người đi cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập có nhiều điểm mới so với những quy định trước đây tại Thông tư liên tịch số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 08/10/2014 của liên Bộ Tài chính và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và cao hơn so với quy định tại Quyết định số 4652/2015/QĐ-UBND ngày 11/11/2015 và Quyết định số 433/2017/QĐ-UBND ngày 10/02/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa. Cụ thể như sau:

(1) Ngân sách nhà nước bảo đảm 100% tiền thuốc cắt cơn, giải độc, điều trị rối loạn tâm thần.

(2) Ngân sách nhà nước hỗ trợ 95% chi phí sàng lọc, đánh giá mức độ nghiện, thực hiện các dịch vụ xét nghiệm y tế theo chỉ định của bác sỹ; điều trị nhiễm trùng cơ hội và thuốc chữa bệnh thông thường đối với các đối tượng: Thương binh; Người bị nhiễm chất độc hóa học và suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; Người thuộc hộ nghèo; Người cao tuổi cô đơn không nơi nương tựa; Trẻ em mồ côi; Người khuyết tật nặng và đặc biệt nặng.

(3) Tại Khoản 3, Điều 4 Thông tư số 124/2018/TT-BTC ngày 20/12/2018 của Bộ Tài chính quy định: “Hội đồng nhân dân cấp tỉnh căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương và dự kiến số lượng đối tượng tham gia cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập thuộc phạm vi quản lý, quyết định”:

- *Mức hỗ trợ cao hơn, đối tượng mở rộng hơn ngoài chế độ quy định;*

- *Mức hỗ trợ tiền ăn hàng tháng, tiền mặc, đồ dùng sinh hoạt cá nhân ít nhất bằng 70% định mức đối với người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;*

- *Mức hỗ trợ chỗ ở đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện.*

## **II. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT**

Trên cơ sở các quy định tại Thông tư số 124/2018/TT-BTC ngày 20/12/2018 của Bộ Tài chính, căn cứ tình hình người nghiện ma túy và nhu cầu cai

nghiện ma túy tự nguyện trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh thống nhất đề xuất ban hành Nghị quyết quy định mức đóng góp và chính sách hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các Cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, với những nội dung cơ bản như sau:

### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định mức đóng góp, chính sách hỗ trợ của nhà nước đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

### **2. Đối tượng áp dụng**

- Người nghiện ma túy có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Thanh Hóa tự nguyện cai nghiện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh.

- Các cơ quan, các tổ chức và cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước để tổ chức cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh.

### **3. Mức đóng góp đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh**

- Tiền ăn hàng tháng bằng 30% định mức đối với người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (30% của 0,8 mức lương cơ sở/người/tháng).

- Tiền mặc, đồ dùng sinh hoạt cá nhân bằng 30% định mức đối với người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc/người/lần (30% của 0,9 mức lương cơ sở/người/lần).

- Tiền hoạt động văn nghệ, thể dục, thể thao, đọc sách, báo, xem truyền hình và các hoạt động vui chơi giải trí khác: 70.000 đồng/người/lần.

- Tiền bổ sung trang, thiết bị, công cụ, dụng cụ: 300.000 đồng/người/lần.

- Tiền điện, nước sinh hoạt: 80.000 đồng/người/tháng.

- Tiền phục vụ, quản lý: 100.000 đồng/người/tháng.

- 100% chi phí khám sàng lọc, đánh giá mức độ nghiện, thực hiện các dịch vụ kỹ thuật xét nghiệm y tế theo chỉ định của bác sỹ (bao gồm cả xét nghiệm HIV/AIDS) tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập không ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế: Theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh do cấp thẩm quyền quyết định đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập thực hiện dịch vụ.

- 100% chi phí điều trị nhiễm trùng cơ hội và thuốc chữa bệnh thông thường tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập không ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế: Theo chi phí thực tế phát sinh và hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp.

### **4. Chính sách hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh**

a) Người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập được bố trí chỗ ở và được ngân sách nhà nước hỗ trợ:

- Tiền ăn hằng tháng bằng 70% định mức đối với người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (70% của 0,8 mức lương cơ sở/người/tháng).

- Tiền mặc, đồ dùng sinh hoạt cá nhân bằng 70% định mức đối với người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc/người/lần (70% của 0,9 mức lương cơ sở/người/lần).

b) Ngoài mức hỗ trợ quy định tại điểm a khoản 4 mục II nêu trên, người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh thuộc các đối tượng: Người thuộc diện chính sách theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người chưa thành niên, người khuyết tật nặng và đặc biệt nặng, người thuộc diện Bảo trợ xã hội, người bị nhiễm HIV/AIDS không còn khả năng lao động, người bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên, người thuộc hộ cận nghèo, người có hộ khẩu thường trú tại vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ được ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% các khoản đóng góp quy định tại khoản 3 mục II nêu trên.

c) Thời gian hỗ trợ cho người cai nghiện ma túy tự nguyện không quá 12 tháng/lần; thời gian thực hiện cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy ít nhất phải đủ 06 tháng; không giới hạn số lần hỗ trợ.

(Có Dự thảo Nghị quyết kèm theo)

### III. DỰ KIẾN KINH PHÍ THỰC HIỆN

Dự kiến mỗi năm bình quân có khoảng 400 người đi cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh (trong đó: 50 người thuộc diện được miễn 100% và 350 người thuộc diện được hưởng mức hỗ trợ 70% tiền ăn hằng tháng, tiền mặc và đồ dùng sinh hoạt cá nhân).

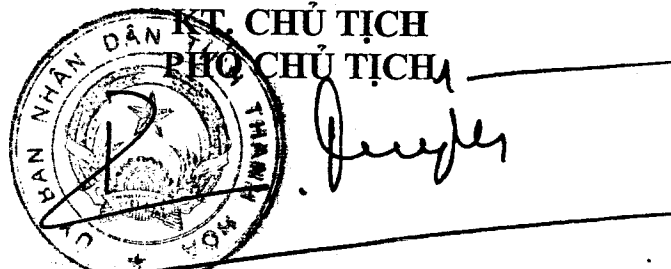
Số tiền dự kiến chi cho hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập trong 01 năm là: 4.477.200.000 đồng (Bốn tỷ, bốn trăm bảy mươi bảy triệu hai trăm ngàn đồng). Trong đó: NSNN phải chi là 2.867.935.000 đồng; Người cai nghiện tự nguyện đóng góp là 1.609.265.000 đồng (Có Phụ lục dự toán chi tiết kèm theo).

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TTr: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh ;
- VP: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh ;
- Sở Lao động - TBXH;
- Lưu: VT, VX.TNXXH08

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Đăng Quyền

Phụ lục:

**DỰ TOÁN KINH PHÍ CẢI NGHIỆN TỰ NGUYỆN TẠI CÁC CƠ SỞ CẢI NGHIỆN CÔNG LẬP TRONG 01 NĂM**

(Kèm theo Tờ trình số 24 /TTr-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Nội dung	Tổng cộng	Trong đó		Chia ra									
					Người thuộc diện được hỗ trợ 100% các khoản đóng góp				Các đối tượng còn lại					
			NSNN hỗ trợ	Người cai nghiện đóng góp	Số người	Số tháng, lần	Định mức	Số tiền NSNN hỗ trợ	Số người	Số tháng, lần	NSNN hỗ trợ		Người cai nghiện đóng góp	
								Định mức	Số tiền	Định mức	Số tiền			
1	Tiền ăn hằng tháng	2.860.800	2.109.840	750.960	50	6	1.192	357.600	350	6	834	1.752.240	358	750.960
2	Tiền mặc và đồ dùng sinh hoạt cá nhân	536.400	395.595	140.805	50	1	1.341	67.050	350	1	939	328.545	402	140.805
3	Hoạt động văn nghệ, TDTT	28.000	3.500	24.500	50	1	70	3.500	350	1	-	-	70	24.500
4	Tiền bổ sung trang, thiết bị, công cụ, dụng cụ	120.000	15.000	105.000	50	1	300	15.000	350	1	-	-	300	105.000
5	Điện, nước sinh hoạt	192.000	24.000	168.000	50	6	80	24.000	350	6	-	-	80	168.000
6	Phục vụ, quản lý	240.000	30.000	210.000	50	6	100	30.000	350	6	-	-	100	210.000
7	Khám sàng lọc, đánh giá mức độ nghiện, xét nghiệm (tạm tính)	120.000	15.000	105.000	50	1	300	15.000	350	1	-	-	300	105.000
8	Điều trị nhiễm trùng cơ hội và thuốc thông thường (tạm tính)	120.000	15.000	105.000	50	6	50	15.000	350	6	-	-	50	105.000
9	Tiền thuốc cắt cơn, giải độc, điều trị rối loạn tâm thần	260.000	260.000	-	50	1	650	32.500	350	1	650	227.500	-	-
	<b>Tổng:</b>	<b>4.477.200</b>	<b>2.867.935</b>	<b>1.609.265</b>	<b>50</b>			<b>559.650</b>	<b>350</b>			<b>2.308.285</b>		<b>1.609.265</b>

Ghi chú: Số liệu trên tính cho 400 người cai nghiện tự nguyện/năm, thời gian cai 6 tháng/người.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2020/NQ-HĐND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2020

Dự thảo

## NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức đóng góp và chính sách hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các Cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa**

### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 12

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 80/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 147/2003/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định về điều kiện, thủ tục cấp giấy phép và quản lý hoạt động của các cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện; Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2004 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh;*

*Căn cứ Thông tư số 117/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và tổ chức cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng;*

*Căn cứ Thông tư số 124/2018/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện;*

*Xét Tờ trình số...../TTr-UBND ngày....tháng....năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định mức đóng góp và chính sách hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

## QUYẾT NGHỊ:

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định mức đóng góp, chính sách hỗ trợ của nhà nước đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Người nghiện ma túy có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Thanh Hóa tự nguyện cai nghiện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh.

2. Các cơ quan, các tổ chức và cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước để tổ chức cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh.

## **Điều 3. Mức đóng góp đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh**

1. Tiền ăn hằng tháng bằng 30% định mức đối với người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

2. Tiền mặc, đồ dùng sinh hoạt cá nhân bằng 30% định mức đối với người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc/người/lần.

3. Tiền hoạt động văn nghệ, thể dục, thể thao, đọc sách, báo, xem truyền hình và các hoạt động vui chơi giải trí khác: 70.000 đồng/người/lần.

4. Tiền bổ sung trang, thiết bị, công cụ, dụng cụ: 300.000 đồng/người/lần.

5. Tiền điện, nước sinh hoạt: 80.000 đồng/người/tháng.

6. Tiền phục vụ, quản lý: 100.000 đồng/người/tháng.

7. 100% chi phí khám sàng lọc, đánh giá mức độ nghiện, thực hiện các dịch vụ kỹ thuật xét nghiệm y tế theo chỉ định của bác sỹ (bao gồm cả xét nghiệm HIV/AIDS) tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập không ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế: Theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh do cấp thẩm quyền quyết định đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập thực hiện dịch vụ.

8. 100% chi phí điều trị nhiễm trùng cơ hội và thuốc chữa bệnh thông thường tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập không ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế: Theo chi phí thực tế phát sinh và hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp.

## **Điều 4. Chính sách hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh**

1. Người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập được bố trí chỗ ở và được ngân sách nhà nước hỗ trợ:

a) Tiền ăn hằng tháng bằng 70% định mức đối với người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

b) Tiền mặc, đồ dùng sinh hoạt cá nhân bằng 70% định mức đối với người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc/người/lần.

2. Ngoài mức hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều này, người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh thuộc các đối tượng: người thuộc diện chính sách theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người chưa thành niên, người khuyết tật nặng và đặc biệt nặng, người thuộc diện Bảo trợ xã hội, người bị nhiễm HIV/AIDS không còn khả năng lao động, người bị suy giảm khả năng lao động



từ 81% trở lên, người thuộc hộ cận nghèo, người có hộ khẩu thường trú tại vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ được ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% các khoản đóng góp quy định tại Điều 3 Nghị quyết này.

3. Thời gian hỗ trợ cho người cai nghiện ma túy tự nguyện không quá 12 tháng/lần; thời gian thực hiện cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy ít nhất phải đủ 06 tháng; không giới hạn số lần hỗ trợ.

### **Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện**

Kinh phí thực hiện các khoản hỗ trợ cho người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập quy định tại Nghị quyết này được lấy từ nguồn đảm bảo xã hội trong dự toán ngân sách nhà nước tỉnh hằng năm.

### **Điều 6. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa khóa XVII, kỳ họp thứ 12 thông qua ngày...tháng...năm 2020, có hiệu lực từ ngày...tháng...năm 2020./.

#### ***Nơi nhận:***

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các VP: Quốc hội, Chính phủ; Chủ tịch nước;
- Các Bộ: Tài chính; Lao động - TB và Xã hội;
- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các ban HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khóa XVII;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH tỉnh, UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Các Thành ủy, Thị ủy, Huyện ủy;
- Thường trực HĐND, UBND cấp huyện;
- CVP, các PCVP HĐND tỉnh;
- Báo Thanh Hóa, Đài PTTH tỉnh;
- Công báo tỉnh, Công TTĐT tỉnh;
- Cơ sở cai nghiện ma túy số 1 Thanh Hóa;
- Cơ sở cai nghiện ma túy số 2 Thanh Hóa;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**

**Trịnh Văn Chiến**



Ký bởi Sở Tư Pháp  
Giờ ký: 2020.03.04 16:09:13  
+07:00

UBND TỈNH THANH HÓA  
**SỞ TƯ PHÁP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *273* /STP-XDVB  
V/v tham gia ý kiến

Thanh Hóa, ngày *04* tháng 03 năm 2020

Kính gửi: Sở Lao động, Thương binh và Xã hội.

Ngày 21/02/2020, Sở Lao động Thương binh và Xã hội có Công văn số 414/SLĐT BXH - PCTNXH về việc tham gia ý kiến vào dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về quy định mức đóng góp, mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Sở Tư pháp có ý kiến như sau:

**1. Về tên gọi:**

Dự thảo nghị quyết ghi "*Quy định mức đóng góp và mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa*" là không phù hợp với Khoản 4 Điều 2 Nghị định số 80/2018/NĐ-CP ngày 17/5/2018 của Chính phủ và Điều 3, 4 Thông tư số 124/2018/TT-BTC ngày 20/12/2018. Do vậy, đề nghị sửa lại thành: "*Quy định mức đóng góp và chính sách hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa*" cho phù hợp.

**2. Về căn cứ pháp lý:**

Tại căn cứ pháp thứ 2, dự thảo Nghị quyết đang gộp chung 02 Nghị định lại với thành một căn cứ pháp lý, đề nghị tách thành 02 căn cứ pháp lý riêng biệt.

**3. Về nội dung:**

- Điều 1 về phạm vi điều chỉnh, như đã trình bày tại phần tên gọi, đề nghị điều chỉnh lại để văn bản được thống nhất.

- Điều 4 dự thảo Nghị quyết, đề nghị điều chỉnh lại tiêu đề của Điều để thống nhất với tên gọi và đúng với bản chất của nội dung văn bản là quy định về chính sách hỗ trợ.

Trên cơ sở việc điều chỉnh lại tiêu đề của Điều 4, đề nghị điều chỉnh lại nội dung của Điều này để thống nhất với tiêu đề, phạm vi điều chỉnh của văn bản, đặc biệt là phải toát lên được nội dung này là chính sách hỗ trợ, ví dụ: Đối với khoản 1, đề nghị xem xét sửa thành: "Hỗ trợ về chỗ ở: ....."

Kính chuyển Sở Lao động, Thương binh và xã hội tổng hợp./.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, XDVB.



**GIÁM ĐỐC**

**Bùi Đình Sơn**



UBND TỈNH THANH HOÁ  
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 602 /BCTĐ-STP

Thanh Hoá, ngày 06 tháng 11 năm 2019

## BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

**Dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước và mức đóng góp đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa**

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 14424/UBND-VX ngày 25/10/2019 về việc giao thẩm định văn bản đề nghị ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước và mức đóng góp đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Sau khi nghiên cứu hồ sơ, căn cứ các văn bản pháp luật có liên quan, Sở Tư pháp thẩm định như sau:

### I. Về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng:

#### 1. Về phạm vi điều chỉnh:

Dự thảo văn bản đã xác định được cụ thể phạm vi điều chỉnh của văn bản, phù hợp với quy định của pháp luật và nội dung văn bản.

#### 2. Về đối tượng áp dụng:

Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung thêm đối tượng áp dụng là "Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan" cho đầy đủ.

### II. Về tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo văn bản

#### 1. Về thẩm quyền ban hành văn bản:

Theo quy định tại Khoản 2, Điều 3 và Khoản 3, Điều 4 Thông tư số 124/2018/TT-BTC ngày 20/12/2018 của Bộ Tài chính về việc quy định về quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện thì HĐND tỉnh có thẩm quyền ban hành mức đóng góp và mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập. Vì vậy, HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết về việc quy định mức đóng góp và mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa là phù hợp và đúng thẩm quyền.

#### 2. Về nội dung văn bản:

- Dự thảo văn bản có bố cục chưa hợp lý, gây khó hiểu trong việc áp dụng. Đề nghị cơ quan soạn thảo bố cục lại dự thảo theo hướng: quy định mức đóng góp trước, sau đó mới quy định về việc hỗ trợ, trong nội dung hỗ trợ cần phân định rõ các nhóm đối tượng được hỗ trợ và mức hỗ trợ cụ thể của từng nhóm, ví dụ như:

"Điều 3. Mức đóng góp..."

Điều 4. Chính sách hỗ trợ đối với...

1. Nhóm 1:

a) Đối tượng hỗ trợ:

b) Nội dung và mức hỗ trợ"

2. Nhóm 2:

...

3. Nhóm 3:

....

4. Thời gian hỗ trợ"

Như vậy sẽ rõ ràng hơn. Theo đó, cũng đề nghị sửa lại tên gọi của văn bản cho phù hợp với bố cục đã sửa.

- Đề nghị bỏ Khoản 5 Điều 3 và Điều 5 của dự thảo, bởi việc quy định các nội dung này là không cần thiết.

3. Về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản:

Dự thảo Nghị quyết bảo đảm về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản theo quy định của pháp luật.

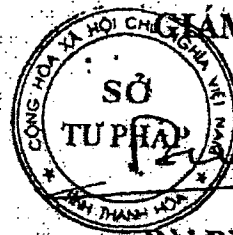
III. Ý kiến của cơ quan thẩm định:

Đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo cơ quan soạn thảo chỉnh lý lại các nội dung theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp trước khi báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như KG

- Lưu: VT, XDVB.



Bùi Đình Sơn